

# ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VỚI VIỆC TỰ HỌC

ThS. TRƯƠNG DÌNH\*

**H**iện nay, các hệ đào tạo (đại học chính quy, đại học tại chức, đại học từ xa, giáo dục thường xuyên,...) đều có những đổi mới nhằm vào khả năng tự học của sinh viên (SV), học sinh (HS), học viên trên cơ sở các tài liệu học tập đã được ban hành. Tự học - tự đào tạo không phải là vấn đề mới. Từ nhiều năm trước đã có những tấm gương tự học và thành đạt như giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn, giáo sư Hoàng Tuy,... Giáo sư Trần Văn Giàu cũng nói: "Đại học là tự học". Ngoài ra, không ít các chuyên đề về tự học đã được tổ chức và in thành sách, góp phần nâng vấn đề tự học lên một khoa học. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo nhân lực từ trình độ tự học hiện nay chưa thể hiện rõ. *Nguyên nhân chính có lẽ là do ý thức và kĩ năng tự đọc, tự hiểu văn bản trong tự học ở người học gần như chưa có.* Không phải các hệ đào tạo không dành thời gian và không bắt buộc người học phải học từ tài liệu, nhưng hầu hết yêu cầu đó không được thực hiện. Được biết, có những học viên cả năm không "sờ" tài liệu chứ chưa nói đến đọc tài liệu; có người cũng đọc nhưng lại chưa biết cách đọc nên việc tự đọc, tự hiểu không hiệu quả... Trên cơ sở khai thác các tài liệu nước ngoài, kết hợp điều tra thực tiễn Việt Nam, bài viết *cung cấp một số nhận thức và biện pháp cải thiện cách dạy tự học trên cơ sở tự đọc - hiểu văn bản.*

## 1. Khái niệm, các mô hình đọc hiểu (ĐH)

Đọc là một hoạt động nhận thức không thể quan sát một cách trực tiếp được ở những vận động của mắt, của cử chỉ và giọng đọc cao, thấp, trầm hay to của mình, cũng không giải thích được quá trình bên trong rất phức tạp của việc đọc. Hơn nữa, phần lớn người đọc không có ý thức về các thao tác nhận thức rất đa dạng của việc đọc. Cuối cùng, đọc là một quá trình còn nhiều bí ẩn, kể cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Nhiều ý kiến chưa thống nhất về định nghĩa và một mô hình đọc tổng quát nhất.

**1) Mô hình chú ý chủ yếu đến việc giải mã được coi là mô hình đọc từ thấp đến cao (bottom-up).** Theo mô hình này, người ta hiểu một văn bản bằng cách tiếp cận trước hết các yếu tố nhỏ nhất của văn bản (chữ, vần, từ), lập mã nội tâm các yếu tố, cuối cùng phối hợp chúng vào các đơn vị lớn dần lên. Kĩ

năng lập mã, giải mã chiếm vị trí hàng đầu đối với mô hình trên. Kết quả của việc hiểu cần thiết phải giống nhau giữa các người đọc bởi thông điệp giải mã là giống nhau. Nhiều vấn đề được đặt ra với mô hình đọc từ thấp đến cao. Trước hết, khi đọc không cần thiết giải mã tất cả các từ, các chữ để hiểu văn bản; sau nữa, việc hiểu văn bản không phải lúc nào cũng ở mức độ từ hay câu, có khi cần thiết phải đọc nhiều đoạn trước khi hiểu các đoạn trước đã nói gì. Cuối cùng, mô hình này không cần nghĩa được tại sao cùng một văn bản mà nhiều người có khi hiểu khác nhau. Như vậy, dù biết rằng mô hình đọc từ thấp lên cao hiện nay có hiệu lực phần nào nhưng chưa phải là cách đọc hoàn thiện.

## 2) Cách đọc từ cao xuống thấp (top-down).

Mô hình này chú ý đến các hoạt động trí tuệ phức tạp như sự tiên đoán, sự tích hợp, sự suy lí hơn là việc giải mã được coi là cần thiết nhưng không đầy đủ, bởi vì cần phải có những thao tác nhận thức cần thiết khác mới có thể hiểu văn bản. Thay vì giải mã đơn giản các yếu tố từ, chữ, câu, người đọc cần phải đặt giả thiết, có các tiên đoán đối với văn bản xuất phát từ vốn hiểu biết đã có của mình.

Như vậy, việc đọc từ cao xuống thấp phần nào giống như một quá trình khai triển và kiểm nghiệm giả thiết từ các kiến thức cũ đã có được lưu trữ trong kí ức của người đọc. Người đọc áp đặt một cấu trúc nhận thức đối với văn bản, vừa làm trỗi dậy kiến thức cũ, việc hiểu văn bản như không phải là gì quá mới mẻ. Mô hình này giải thích tại sao nhiều người hiểu khác nhau một văn bản: vì họ có kinh nghiệm và hiểu biết khác nhau về văn bản và cách đọc. Từ đó, việc đọc trở thành một quá trình phát triển hiểu biết và sáng tạo, trong đó văn bản chỉ chiếm một giới hạn nhất định. Tuy nhiên, trên thực tế, việc đọc luôn có sắc thái khác nhau, do đó việc hiểu cũng biến đổi, có khi tỉ mỉ như mô hình đọc từ thấp lên cao, có khi lại tổng quát như mô hình đọc từ cao xuống thấp.

**3) Hiện nay, phổ biến những mô hình tương tác vận dụng cả hai mô hình đã nói ở trên.** Các mô hình tương tác miêu tả việc đọc như một quá trình

\* Thành phố Huế



xử lý thông tin ở các mức độ khác nhau. Việc xử lý đó có thể dựa trên cấu trúc vi mô của văn bản (từ, chữ, câu) hoặc trên cấu trúc vĩ mô (đoạn, liên đoạn, chương). Các mức độ xử lý có thể sử dụng song hành, tiếp nối nhau hay tương tác với nhau. Theo các mô hình tương tác, người ta chấp nhận một chiến thuật xử lý thông tin phù hợp với hoàn cảnh đọc. Hoàn cảnh đọc được định nghĩa chủ yếu dựa trên bản chất và tầm quan trọng của các thông tin mà người đọc đã tích lũy. Xuất phát từ các kinh nghiệm đã có hay từ hoàn cảnh của việc đọc được xác định, khi lượng thông tin không nhiều thì đọc theo cách giải mã, khi lượng thông tin phong phú thì việc đọc dựa vào sự tiên đoán và tích hợp. Người đọc không bao giờ đọc một cách giống nhau, họ chọn chiến lược xử lý thông tin phụ thuộc vào hoàn cảnh đọc. Các mô hình tương tác có lẽ phù hợp hơn với việc đọc văn bản trong tự học hiện nay.

## 2. Nhận diện một số yếu kém của SV khi ĐH (đặc biệt đối với tài liệu học tập)

1) Lầm lẫn trong việc giải mã các yếu tố ngôn ngữ (từ vựng, cú pháp, ngữ nghĩa...) ở những SV yếu kém về trình độ tiếng Việt (hoặc SV nước ngoài).

2) Lầm lẫn trong việc giải mã khi ngôn ngữ văn bản quá trừu tượng, quá phức tạp hoặc quá khép kín.

3) Khi phải thực hiện những thao tác nhận thức thích đáng (hiểu nghĩa từ trong văn cảnh, giải quyết những sự mập mờ, nêu ra các giả thiết để hiểu,...) ở những SV ít đọc hay có thói quen đọc các tài liệu ngoài ngành.

4) Khi phải rút ra ý chính của văn bản đối với cấu trúc văn bản có tính vĩ mô, trong đó tác giả đi quá xa yêu cầu đọc hiểu.

5) Hiểu biết tiềm năng quá ít ỏi so với đề tài văn bản, đến nỗi không thể hiểu một số thuật ngữ hoặc bất lực khi rút ra ý nghĩa tổng quát của văn bản. Khó khăn này thuộc các học viên năm đầu.

6) Thiếu sự hiểu biết chung để hiểu thí dụ đối với văn bản có văn cảnh văn hóa tiềm ẩn xa lạ. Khó khăn này thuộc về các học viên dân tộc thiểu số.

7) Chiến lược đọc và xử lý thông tin không phù hợp khi các yêu cầu của hoàn cảnh đọc được nhận thức không rõ. Có SV năm đầu đọc văn bản học tập như đọc tiểu thuyết hay đọc báo.

Diện mạo các khó khăn trên không đến nỗi làm cho SV quá bi quan vì qua điều tra đa số SV có thể vượt được.

## 3. Các giải pháp cụ thể

1) **Hiểu và tóm tắt.** Qua nghiên cứu thực nghiệm, Brown (1983) đã xác định sáu quy tắc cơ bản giúp ta nắm bắt được "tâm điểm" của văn bản và tóm tắt nó. Các quy tắc của Brown tương ứng một cách đại thể

với các quy tắc vĩ mô để hiểu văn bản của Kintsch và Van Dijk (1975). Theo tác giả, để tóm tắt văn bản, cần phải: a) Loại trừ các thông tin không quan trọng; b) Loại trừ các thông tin quan trọng nhưng lặp đi lặp lại; c) Thay các từ ngữ hay thành ngữ đặc thù bằng các phạm trù khái quát hơn; d) Trong từng đoạn, chọn một câu "chìa khóa" chứa đựng các thông tin trong đoạn; e) Trong từng đoạn, nếu không có câu "chìa khóa", chọn một câu chứa đựng thông tin trong đoạn theo quy tắc khái quát.

Các quy tắc trên là cơ sở để hiểu và tóm tắt văn bản khó thông qua từng giai đoạn một. Có thể tách thêm ra các giai đoạn đơn giản hơn và thực hiện theo thứ tự. Với người đọc có kinh nghiệm, các giai đoạn đó thường được thực hiện một cách tự động. Với người đọc mới bắt đầu thì việc vận dụng cần có ý thức hơn.

2) **Biến đổi tốc độ và linh động trong việc đọc.** Tốc độ đọc ở từng người là khác nhau đáng kể, phụ thuộc vào thể lực, sự chú ý của người đọc và độ khó của văn bản. Năng lực biến đổi tốc độ đọc quan trọng hơn tốc độ đọc. Đó cũng là chỉ số của trình độ ĐH văn bản.

Một số SV có thói quen đọc thành tiếng, nhưng chỉ thực hiện một kiểu đọc chậm hay rất chậm dẫn đến mệt mỏi khi tài liệu quá nhiều và dài. Cách đọc nhanh, chậm và rất chậm văn bản cần theo trình tự chỉ dẫn của tác giả (nếu có). Cách đọc chậm từ đầu đến cuối đó nhằm tổ chức lại các thông tin, điều chỉnh và ghi nhớ. Trái lại, cách *đọc quét* (balayage) không cần đi từ đầu đến cuối. Cách *đọc định vị* (repérage) chỉ cần lưu lại các thông tin và ghi nhớ điều chỉnh. Trái lại, *cách đọc bay* (survol) nhằm tìm ngay các thông tin khái quát dựa vào các đề mục, chỉ dẫn hay tóm tắt ở đầu sách.

Người đọc uyển chuyển vận dụng chiến lược và nhịp độ đọc phụ thuộc vào văn bản và khả năng cá nhân, đặc biệt khi đọc để học đòi hỏi nắm vững tài liệu học tập khác với cách đọc tiểu thuyết, thơ hay báo chí.

Sơ đồ:

Kiểu đọc	Ước muốn của người đọc	Loại văn bản
Đọc quét Định vị Bay	- Để nắm thông tin chính - Để biết văn bản nói gì	- Từ điển, bách khoa - Tài liệu cần đọc sâu
Nhanh	- Đọc cho vui - Nắm các ý chính của văn bản dễ	- Truyện ngắn, tiểu thuyết - Báo hàng ngày
Chậm	- Để lưu lại các thông tin mấu chốt	- Giáo trình - Văn bản sư phạm - Văn bản khoa học
Rất chậm	- Để kiểm nghiệm một định hướng đã xác định - Để hiểu văn bản khó	- Hướng dẫn học, sách thực hành, sách kĩ thuật - Văn bản sư phạm, khoa học

(Dựa theo J. Thérissault: *Học và dạy đọc*. Montréal Ville Marie 1983)



**3) Thực hiện các chiến thuật cơ bản của đọc hiểu.** Brown (1982) đề ra 5 chiến thuật cơ bản của đọc hiểu, có ý nghĩa thực tiễn và khả thi: - Gạch chân các câu quan trọng; - Ghi chép; - Dựng sơ đồ logic của văn bản; - Tóm tắt văn bản theo ngôn ngữ riêng; - Đặt câu hỏi từ văn bản.

**4) Đọc uyển chuyển, tự suy nghĩ và đánh giá hoạt động đọc của mình.** Nhiều tài liệu về ĐH đề cập việc uyển chuyển, sự tự ý thức, sự vận động tự thân và khả năng siêu nhận thức trong việc đọc - hiểu. Điều này là có thể, vì việc đọc là một hoạt động đơn độc và người đọc là người duy nhất có thể kiểm soát các thao tác trí tuệ mà họ đã vận dụng. Đọc uyển chuyển là khả năng điều chỉnh các chiến lược đọc tùy theo đối tượng đọc, mục tiêu đọc cần đạt. Theo Brown, người đọc có hiệu quả là người đọc uyển chuyển, có khả năng khẳng định cách đọc phụ thuộc vào hoàn cảnh đọc. Sự uyển chuyển có hiệu quả còn dựa trên khả năng kiểm soát việc đọc và một năng lực tự thân. Các bước đi của đọc uyển chuyển gồm có: a) Ý thức về các biến thể của hoàn cảnh đọc, chủ thể đọc, tài liệu đọc, mục đích đọc và phương tiện đọc; b) Hoạt động kiểm tra các biến thể đọc đó.

Các biến thể đó không phải lúc nào cũng hài hòa với nhau: có người có yêu cầu cao, trở thành chuyên gia hay cần có một thông tin quyết định nhưng lại vận dụng các phương tiện hạn chế (ít thời gian, thực hiện chiến lược kém hiệu quả), có người lại thiếu khả năng xuất phát cá nhân (hiểu biết cũ ít đối với tài liệu, lại không khai thác hết trí thức xuất phát cá nhân).

Cho đến nay, việc dạy học chỉ dựa trên các kĩ năng cụ thể (đọc nhanh, chậm, tóm tắt, ghi chép...) mà không nhấn mạnh đến hoàn cảnh của việc đọc. Brown cho rằng, trước hết cần dạy cho SV ý thức tổng thể về hoàn cảnh đọc (4 yếu tố đã nêu ở trên). Chính người đọc phải tự xác định các yếu tố đó của văn cảnh đọc.

Tất cả các sự hiểu biết về đọc và hoạt động tự kiểm tra việc đọc quay lại ở năng lực siêu nhận thức (métacognition). Siêu nhận thức là nhận thức về nhận thức. Từ đầu thế kỉ XX, Platon đã khẳng định người ta có thể vừa suy nghĩ vừa tự nhận thức về suy nghĩ của mình. Trong việc học tập từ văn bản, SV chỉ tập trung chú ý vào đề tài văn bản, hiếm khi các em tự đánh giá hoạt động đọc của bản thân. Muốn có siêu nhận thức, SV phải biết vừa đọc, vừa suy nghĩ, đánh giá hoạt động đọc của mình, luôn hướng việc đọc về nhu cầu cần đạt.

Văn bản đọc là một điều kiện cần thiết để SV có thể hoạt động siêu nhận thức. Siêu nhận thức khi đọc tài liệu là vô cùng cần thiết với các trường hợp học từ xa, học tại chức hay tự học không cần thầy (autodidacte).

\*\*\*

Văn bản học tập là chỗ dựa cho SV tự chọn được địa điểm, thời điểm và nhịp độ đọc hiểu. Phần lớn các tài liệu học tập hiện nay được soạn theo cách tiếp cận hình tuyến, có hệ thống và chức năng hóa rõ rệt, điều đó có phần thuận lợi cho việc đọc hiểu. Các tài liệu "hạ cơ" như vậy chỉ dạy cách học theo kiểu "mớm dút". Cấu trúc khép kín, chặt chẽ quá mức chỉ thuận lợi cho việc đọc có mục tiêu định sẵn. Nó hạn chế năng lực tự thân của SV tự mình xác định đối tượng, nguồn tư liệu và các hoạt động đọc - hiểu thích hợp.

Cần có các tài liệu mở (nhiều lối vào và lối ra) dành cho các cách ĐH khác nhau về trình độ (hơn là một trình tự đọc đã hoạch định) nhằm giúp cho SV giỏi có kinh nghiệm học tập phát huy khả năng tự học. Liệu các giáo trình lí tưởng như thế cùng với việc dạy kĩ năng tự đọc - tự hiểu cho SV có khả thi trong chiến lược đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục từ năm 2015? Ngoài ra, cũng cần đề cập đến việc nghiên cứu sự trợ giúp của công nghệ thông tin đối với việc dạy kĩ năng ĐH văn bản học tập. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Brown A.L. Learning how to learn from reading. In Langer J.H et Smith Burke. T (éd.). 1982.
2. Brown A.L. Métacognition. The development of selection attention strategies for learning from texts. In Kamil. M. (éd.). Directions in reading. Washington. National reading conference. 1981.
3. Brown A.L. Camfrione J.C et Day J.D. Learning to learn: on training students to learn from texts. In Educational Reseachter. 1981.
4. France Henry. Anthony Kaye. Le savon à domicile. Presses de l'Université du Québec. Télé - université. 1985.
5. Trương Đình. ""Tự thân" khái niệm trung tâm của việc nghiên cứu và phát triển tự học. Chuyên đề về vấn đề tự học". *Ki yếu Sờ GD-ĐT Thừa Thiên Huế*, 1994.
6. Trương Đình. "Một số tiền đề lí luận của việc soạn giáo trình tự học". *Ki yếu đổi mới phương pháp dạy đại học*. Đại học Huế, 2012.

#### SUMMARY

Currently, the training requirement in the direction of self-learning requires learners to have text comprehension skills. In fact, learners (especially students) do not have the ability of text comprehension. General speaking, text comprehensios reading bottom to up and from top to down. Each kind of reading has its own advantages. However, the best way of reading is the combination of two above readings. Mentioning the text comprehension, cannot but metion to the flexibility in reading and metacognitive ability to test their reading efficiency.